

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
1	112321835	Phan Mạnh	Hoàng	12KD4	12E13	7	8	8			8			4	6	5.0	6.3	Sầu pháy Ba	
2	112329827	Phạm Thị Ngọc	Dung	12KD4	12E13	9	10	8			8			4	6	5.0	6.7	Sầu pháy Baý	
3	122320981	Phan Thị Ngọc	Ánh	12KD1	12E13	9	9	8			9			7	4	5.5	7.0	Baý	
4	122320982	Nguyễn Trọng	Ánh	12KD2	12E13	7	8	7			6			7	4	5.5	6.1	Sầu pháy Mắu	
5	122320983	Văn Thị Nguyệt	Ánh	12KD3	12E13	10	10	7			6			7	7	7.0	7.5	Baý pháy Nầm	
6	122320989	Nguyễn Thị Thuý	An	12KD3	12E13	10	10	10			5			8	8	8.0	8.2	Tầm pháy Hai	
7	122321001	Lê Thị	Chi	12KD3	12E13	10	10	9			8			8	8	8.0	8.5	Tầm pháy Nầm	
8	122321004	Nguyễn Thị Thuý	Dương	12KD2	12E13	10	10	10			9			8	8	8.0	8.8	Tầm pháy Tầm	
9	122321006	Dương Thị	Dần	12KD4	12E13	10	10	8			6			6	6	6.0	7.0	Baý	
10	122321008	Hoàng Tiến	Dũng	12KD2	12E13	10	10	10			6			7	6	6.5	7.5	Baý pháy Nầm	
11	122321009	Lê Thị Thuý	Dung	12KD3	12E13	9	9	8			6			8	7	7.5	7.6	Baý pháy Sầu	
12	122321013	Hà Thị Thanh	Dung	12KD2	12E13	10	10	9			7			7	7	7.0	7.8	Baý pháy Tầm	
13	122321014	Nguyễn Thị	Dung	12KD3	12E13	10	10	9			6			7	8	7.5	7.9	Baý pháy Chên	
14	122321018	Bùi Hoàng	Giang	12KD2	12E13	8	9	7			6			4	7	5.5	6.3	Sầu pháy Ba	
15	122321019	Nguyễn Tú	Giang	12KD3	12E13	8	9	8			6			9	6	7.5	7.5	Baý pháy Nầm	
16	122321023	Hà Thị	Hương	12KD3	12E13	10	10	9			7			9	6	7.5	8.1	Tầm pháy Mắu	
17	122321024	Nguyễn Thị	Hương	12KD4	12E13	10	10	8			7			7	8	7.5	8.0	Tầm	
18	122321026	Trần Thị Thu	Hương	12KD1	12E13	10	10	9			6			8	7	7.5	7.9	Baý pháy Chên	
19	122321027	Trần Thị Hoàng	Hà	12KD2	12E13	10	10	7			6			8	8	8.0	8.0	Tầm	
20	122321032	Lê Thị Mỹ	Hà	12KD2	12E13											0.0	0.0	Khăng	
21	122321035	Phạm Thị Ngọc	Hà	12KD1	12E13	9	9	8			6			6	8	7.0	7.4	Baý pháy Bắu	
22	122321037	Võ Thị	Hải	12KD3	12E13	10	10	8			8			6	8	7.0	7.9	Baý pháy Chên	
23	122321041	Nguyễn Thị Hồng	Hào	12KD1	12E13	10	10	8			9			9	7	8.0	8.6	Tầm pháy Sầu	
24	122321042	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12KD2	12E13	10	10	10			8			8	9	8.5	8.9	Tầm pháy Chên	
25	122321048	Vũ Thị	Hường	12KD4	12E13	9	9	7			6			7	8	7.5	7.5	Baý pháy Nầm	
26	122321052	Nguyễn Thị	Hiền	12KD4	12E13	10	10	8			6			6	6	6.0	7.0	Baý	
27	122321053	Lê Thế	Hiền	12KD1	12E13	8	9	8			8			8	5	6.5	7.3	Baý pháy Ba	
28	122321057	Trương Thị	Hoà	12KD1	12E13	10	10	9			6			9	5	7.0	7.7	Baý pháy Baý	
29	122321058	Trần Thị	Hoà	12KD2	12E13	10	10	10			9			8	6	7.0	8.2	Tầm pháy Hai	
30	122321062	Nguyễn Thị	Hoa	12KD1	12E13	10	10	9			6			8	6	7.0	7.7	Baý pháy Baý	
31	122321068	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12KD2	12E13	10	10	9			5			7	6	6.5	7.2	Baý pháy Hai	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ		
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ	
						10	10	10			15					55	100			
32	122321069	Nguyễn Thị	Huyền	12KD3	12E13	10	10	9			7			8	5	6.5	7.5	Báý pháý	Nằm	
33	122321075	Trần Anh	Lâm	12KD2	12E13	8	9	8			8			8	5	6.5	7.3	Báý pháý	Ba	
34	122321076	Phan Ngọc	Lâm	12KD3	12E13	7	8	8			9			6	6	6.0	7.0	Báý		
35	122321079	Nguyễn Thị Hoài	Lê	12KD1	12E13	10	10	8			6			6	4	5.0	6.5	Saũ pháý	Nằm	
36	122321083	Trần Thị Phương	Liên	12KD3	12E13	10	10	9			5			8	4	6.0	7.0	Báý		
37	122321087	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	12KD2	12E13	10	10	8			9			6	7	6.5	7.7	Báý pháý	Báý	
38	122321088	Phan Thị Thuý	Linh	12KD3	12E13	8	9	9			7			8	7	7.5	7.8	Báý pháý	Tằm	
39	122321090	Phạm Thị Trúc	Linh	12KD4	12E13	10	10	8			7			7	4	5.5	6.9	Saũ pháý	Chên	
40	122321093	Phan Thị Yến	Linh	12KD3	12E13	8	9	9			9			8	6	7.0	7.8	Báý pháý	Tằm	
41	122321096	Nguyễn Thị Hồng	Loan	12KD2	12E13	9	9	8			9			8	4	6.0	7.3	Báý pháý	Ba	
42	122321097	Nguyễn Thị Xuân	Luý	12KD3	12E13	10	10	9			7			7	6	6.5	7.5	Báý pháý	Nằm	
43	122321101	Trương Thị Ly	Ly	12KD2	12E13	10	10	9			6			6	6	6.0	7.1	Báý pháý	Mẫu	
44	122321103	Nguyễn Xuân Ngọc	Ly	12KD4	12E13	8	9	7			7			8	6	7.0	7.3	Báý pháý	Ba	
45	122321104	Huỳnh Thị Như	Mai	12KD1	12E13	10	10	9			9			8	6	7.0	8.1	Tằm pháý	Mẫu	
46	122321106	Lê Thị Hoa	Mai	12KD3	12E13	10	10	9			8			6	6	6.0	7.4	Báý pháý	Bầu	
47	122321108	Nguyễn Thị	Mận	12KD4	12E13	10	10	7			8			8	4	6.0	7.2	Báý pháý	Hai	
48	122321112	Nguyễn Thị	Năm	12KD3	12E13	10	10	8			7			7	5	6.0	7.2	Báý pháý	Hai	
49	122321159	Phạm Thị Thanh	Tâm	12KD2	12E13	10	10	8			9			7	5	6.0	7.5	Báý pháý	Nằm	
50	122321174	Nguyễn Thị Thái	Thanh	12KD2	12E13	10	10	10			9			7	6	6.5	7.9	Báý pháý	Chên	
51	122321046	Phan Thị Anh	Hồng	12KD2	12E14	10	9	8			9			8	6.5	7.3	8.1	Tằm pháý	Mẫu	
52	122321110	Võ Thị Ngọc	Minh	12KD1	12E14	10	10	7			7			8	6.5	7.3	7.8	Báý pháý	Tằm	
53	122321116	Thiều Thị	Nga	12KD3	12E14	8	8	6			5			6	5	5.5	6.0	Saũ		
54	122321120	Lê Thị	Như	12KD1	12E14	10	10	7			8			7	5.5	6.3	7.4	Báý pháý	Bầu	
55	122321121	Nguyễn Ai	Nhân	12KD2	12E14	10	7	4			5			5	4	4.5	5.3	Nằm pháý	Ba	
56	122321122	Nguyễn Khánh	Nhân	12KD3	12E14	10	10	8			7			8	5.5	6.8	7.6	Báý pháý	Saũ	
57	122321123	Trương Thị Thanh	Nhàn	12KD4	12E14	10	9	8			6			8	6	7.0	7.5	Báý pháý	Nằm	
58	122321124	Bùi Thanh	Nhật	12KD4	12E14	10	10	8			5			8	6	7.0	7.4	Báý pháý	Bầu	
59	122321126	Lê Thị Cẩm	Nhung	12KD2	12E14	5	6	6			9			6	6	6.0	6.4	Saũ pháý	Bầu	
60	122321127	Nguyễn Thị	Nhung	12KD3	12E14	10	8	7			7			6	6.5	6.3	7.0	Báý		
61	122321129	Đặng Thị	Oanh	12KD1	12E14	10	10	8			8			8	8	8.0	8.4	Tằm pháý	Bầu	
62	122321130	Hoàng Thị Tú	Oanh	12KD4	12E14	8	10	8			5			5	8	6.5	6.9	Saũ pháý	Chên	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
63	122321132	Lê Thị Thu	Phương	12KD3	12E14	6	8	8			6			6	7.5	6.8	6.8	Sau pháp Tầm	
64	122321133	Hà Thị	Phương	12KD4	12E14	10	8	7			6			7	7.5	7.3	7.4	Báy pháp Bấu	
65	122321134	Nguyễn Thị Lan	Phương	12KD1	12E14	10	10	8			7			8	8	8.0	8.3	Tầm pháp Ba	
66	122321135	Hà Văn	Phương	12KD2	12E14	10	7	8			5			8	5.5	6.8	7.0	Báy	
67	122321138	Traần Thị Hoàng	Phượng	12KD1	12E14	10	7	6			7			7	5	6.0	6.7	Sau pháp Báy	
68	122321139	Phan Thị	Phượng	12KD2	12E14	10	10	8			9			7	5	6.0	7.5	Báy pháp Nằm	
69	122321144	Bùi Công	Quân	12KD3	12E14	10	7	7			7			7	6	6.5	7.0	Báy	
70	122321146	La Thị Xuân	Quỳnh	12KD4	12E14	10	10	8			5			7	6	6.5	7.1	Báy pháp Mấu	
71	122321148	Hoàng Thị	Quyên	12KD2	12E14	10	7	7			6			8	4	6.0	6.6	Sau pháp Sau	
72	122321150	Phan Thị	Sâm	12KD4	12E14	7	6	5			4			3	4.5	3.8	4.5	Bấu pháp Nằm	
73	122321151	Phạm Thị Phước	Sơn	12KD1	12E14	10	7	8			5			6	6.5	6.3	6.7	Sau pháp Báy	
74	122321165	Đinh Thị	Thảo	12KD3	12E14	8	8	6			6			8	6.5	7.3	7.1	Báy pháp Mấu	
75	122321166	Trần Thị Phương	Thảo	12KD4	12E14	7	7	6			6			7	5	6.0	6.2	Sau pháp Hai	
76	122321170	Nguyễn Thị	Thắm	12KD2	12E14	8	9	6			7			7	5	6.0	6.7	Sau pháp Báy	
77	122321172	Hoàng Minh	Thắng	12KD4	12E14	8	10	7			6			6	7	6.5	7.0	Báy	
78	122321173	Nguyễn Hải	Thanh	12KD1	12E14	7	9	6			5			4	7	5.5	6.0	Sau	
79	122321176	Lê Đức	Thông	12KD4	12E14	8	6	4			5			6	6	6.0	5.9	Nằm pháp Chên	
80	122321178	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	12KD2	12E14	10	9	8			7			7	5	6.0	7.1	Báy pháp Mấu	
81	122321183	Nguyễn Thị Hà	Thuý	12KD1	12E14	9	8	7			6			8	6	7.0	7.2	Báy pháp Hai	
82	122321185	Hồ Thị	Thuý	12KD2	12E14	10	7	8			6			7	6	6.5	7.0	Báy	
83	122321190	Phan Thị Thanh	Thuý	12KD3	12E14	10	10	8			8			8	5	6.5	7.6	Báy pháp Sau	
84	122321192	Nguyễn Thị Minh	Trâm	12KD4	12E14	10	10	9			5			8	6	7.0	7.5	Báy pháp Nằm	
85	122321195	Phan Thị Diệu	Trang	12KD2	12E14	10	8	8			7			7	5	6.0	7.0	Báy	
86	122321196	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12KD3	12E14	10	9	9			8			6	7	6.5	7.6	Báy pháp Sau	
87	122321197	Nguyễn Phương	Trang	12KD4	12E14	8	9	8			5			6	6	6.0	6.6	Sau pháp Sau	
88	122321201	Trương Thị Thuý	Trang	12KD3	12E14	10	10	9			7			8	7	7.5	8.1	Tầm pháp Mắt	
89	122321210	Phan Thị Ái	Trinh	12KD2	12E14	7	8	9			7			8	7	7.5	7.6	Báy pháp Sau	
90	122321211	Trương Thị Thuý	Trinh	12KD3	12E14	10	10	10			9			9	8	8.5	9.0	Chên	
91	122321213	Phạm Thị Thu	Trúc	12KD1	12E14	9	8	9			7			8	7	7.5	7.8	Báy pháp Tầm	
92	122321215	Huỳnh Thị Anh	Tuyết	12KD3	12E14	10	10	8			8			8	7	7.5	8.1	Tầm pháp Mấu	
93	122321216	Hoàng Thi	Vinh	12KD4	12E14	10	7	7			7			7	7	7.0	7.3	Báy pháp Ba	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
94	122321218	Võ Khánh Hồng	Vân	12KD2	12E14	10	7	8			9			7	6	6.5	7.4	Báý pháy Báú	
95	122321224	Lưu Thị Hải	Yến	12KD4	12E14	9	8	6			8			7	6	6.5	7.1	Báý pháy Mãú	
96	122321225	Thân Thị Hải	Yến	12KD1	12E14	8	7	6			6			7	6	6.5	6.6	Saũ pháy Saũ	
97	122321227	Trịnh Thị Kim	Chung	12KD2	12E14	7	7	8			6			9	6	7.5	7.2	Báý pháy Hai	
98	122321235	Lê Thị Hồng	Phú	12KD3	12E14	10	10	9			7			9	7	8.0	8.4	Taĩm pháy Báú	
99	102211833	Phan Ngọc	Thành	12XD1	12E3											0.0	0.0	Khăng	IP(HK1,2
100	102218321	Nguyễn Quốc	Huy	12XD2	12E3	6	8	8			7			5	7	6.0	6.6	Saũ pháy Saũ	
101	112210202	Hoàng Sơn	Hà	12XD1	12E3											0.0	0.0	Khăng	IP(HK1,2
102	112210234	Phan Thế	Điệp	12XD1	12E3	1	2	1			6			V	V	V	0.0	Khăng	HP
103	112210236	Lê Công	Bằng	12XD2	12E3											0.0	0.0	Khăng	
104	112210247	Phan Văn	Liệu	12XD1	12E3											0.0	0.0	Khăng	
105	112210259	Dương Minh	Hùng	12XD1	12E3	1	1	1			6			V	V	V	0.0	Khăng	
106	112210265	Trần Văn	Lợi	12XD1	12E3	9	9	8			8			4	6.5	5.3	6.7	Saũ pháy Báý	
107	112210269	Nguyễn Khánh	Ngọc	12XD1	12E3	7	7	5			7			6	4.5	5.3	5.9	Naĩm pháy Chẽn	
108	122210231	Lê Văn	Đạt	12XD2	12E3	3	3	5			6			6	5	5.5	5.0	Naĩm	
109	122210232	Trần Ngọc	Được	12XD1	12E3	10	7	8			7			5	6.5	5.8	6.7	Saũ pháy Báý	
110	122210238	Nguyễn Thế	Anh	12XD1	12E3	7	6	1			6			6	5	5.5	5.3	Naĩm pháy Ba	
111	122210245	Nguyễn Văn	Cường	12XD2	12E3	8	8	9			8			6	5.5	5.8	6.9	Saũ pháy Chẽn	
112	122210247	Nguyễn Ngọc	Chung	12XD2	12E3	10	10	8			8			8	7	7.5	8.1	Taĩm pháy Mãú	
113	122210248	Trần Văn	Dũng	12XD1	12E3	10	10	9			8			7	7	7.0	8.0	Taĩm	
114	122210251	Nguyễn Phương	Duy	12XD2	12E3	10	10	7			8			7	7	7.0	7.8	Báý pháy Taĩm	
115	122210254	Trần Đức	Hải	12XD1	12E3	10	7	8			7			7	6	6.5	7.1	Báý pháy Mãú	
116	122210255	Phan Hồng	Hải	12XD2	12E3	3	6	9			7			4	7.5	5.8	6.0	Saũ	
117	122210256	Hồ Sỹ	Hậu	12XD1	12E3	9	7	7			7			4	6.5	5.3	6.3	Saũ pháy Ba	
118	122210257	Nguyễn Công	Hùng	12XD2	12E3	8	7	8			8			3	5	4.0	5.7	Naĩm pháy Báý	
119	122210258	Đỗ Đường	Hùng	12XD1	12E3	6	4	5			6			6	5	5.5	5.4	Naĩm pháy Báú	
120	122210260	Đặng Quang	Hiếu	12XD2	12E3	6	6	7			6			4	7.5	5.8	6.0	Saũ	
121	122210261	Đoàn Quang	Hung	12XD1	12E3	9	7	9			8			5	6	5.5	6.7	Saũ pháy Báý	
122	122210264	Nguyễn Thái	Hoàng	12XD1	12E3	9	7	8			8			6	6.5	6.3	7.1	Báý pháy Mãú	
123	122210266	Đặng Ngọc	Hoàn	12XD2	12E3	6	8	9			8			7	7	7.0	7.4	Báý pháy Báú	
124	122210268	Phạm Quốc	Huy	12XD2	12E3	10	7	8			8			7	5.5	6.3	7.2	Báý pháy Hai	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
125	122210270	Chu Nam	Khương	12XD1	12E3	3	2	1			6			7	5.5	6.3	5.0	Nằm	
126	122210274	Bùi Hoài	Linh	12XD2	12E3	6	6	9			7			7	5	6.0	6.5	Sau pháp	Nằm
127	122210275	Phan Đức	Long	12XD1	12E3	9	7	8			8			7	6.5	6.8	7.3	Baý pháp	Ba
128	122210276	Trương Ngọc	Long	12XD2	12E3											0.0	0.0	Khăng	
129	122210278	Nguyễn Văn	Long	12XD1	12E3	10	9	8			8			6	6	6.0	7.2	Baý pháp	Hai
130	122210280	Hồ Văn	Luỹ	12XD1	12E3	1	2	1			6			V	V	V	0.0	Khăng	HP
131	122210281	Trần Đức	Mạnh	12XD2	12E3	10	7	9			7			6	4	5.0	6.4	Sau pháp	Bầu
132	122210282	Trần Hữu	Ninh	12XD1	12E3	4	5	5			6			6	4	5.0	5.1	Nằm pháp	Mẫu
133	122210283	Lê Tiến	Nam	12XD2	12E3	1	2	1			6			6	5	5.5	4.3	Bầu pháp	Ba
134	122210289	Trần Văn	Nhân	12XD1	12E3	9	10	8			8			5	6	5.5	6.9	Sau pháp	Chên
135	122210290	Hứa Nam	Phương	12XD2	12E3	4	4	5			7			6	5	5.5	5.4	Nằm pháp	Bầu
136	122210291	Võ Đức	Phương	12XD1	12E3	8	10	5			8			5	6	5.5	6.5	Sau pháp	Nằm
137	122210292	Huỳnh Quang	Phước	12XD2	12E3	10	7	8			8			6	6	6.0	7.0	Baý	
138	122210294	Lê Tấn	Phong	12XD2	12E3	7	7	7			7			5	4	4.5	5.6	Nằm pháp	Sau
139	122210298	Nguyễn Tấn	Quốc	12XD1	12E3	8	7	8			6			5	5	5.0	6.0	Sau	
140	122210299	Lê Xuân	Sáng	12XD2	12E3	5	8	7			8			6	1	3.5	5.1	Nằm pháp	Mẫu
141	122210300	Lê Thiên	Sơn	12XD1	12E3	9	7	6			8			6	1	3.5	5.3	Nằm pháp	Ba
142	122210301	Lê Nguyên	Sơn	12XD2	12E3	10	9	9			8			5	3	4.0	6.2	Sau pháp	Hai
143	122210302	Phan Ngọc Thái	Sơn	12XD1	12E3	10	7	10			8			6	2	4.0	6.1	Sau pháp	Mẫu
144	122210303	Dương Minh	San	12XD2	12E3	8	10	6			8			4	7	5.5	6.6	Sau pháp	Sau
145	122210305	Phạm Nguyễn Đồng Tâm		12XD1	12E3											0.0	0.0	Khăng	
146	122210306	Trịnh Thanh	Tài	12XD2	12E3	10	7	8			7			6	5	5.5	6.6	Sau pháp	Sau
147	122210309	Lê Chí	Thành	12XD2	12E3	8	7	9			7			8	4	6.0	6.8	Sau pháp	Tầm
148	122210310	Hà Văn	Thảo	12XD1	12E3											0.0	0.0	Khăng	
149	122210314	Trần Thê	Thao	12XD1	12E3	10	7	7			8			6	6	6.0	6.9	Sau pháp	Chên
150	122210315	Nguyễn Ngọc	Thiện	12XD2	12E3	1	2	1			6			7	4	5.5	4.3	Bầu pháp	Ba
151	122210317	Nguyễn Viết	Thịnh	12XD2	12E3	10	9	8			8			5	6	5.5	6.9	Sau pháp	Chên
152	122210319	Nguyễn Khắc	Thuần	12XD2	12E3	4	4	6			6			7	3	5.0	5.1	Nằm pháp	Mẫu
153	122210344	Dương Thanh	Tâm	12XD2	12E3	7	7	8			7			5	3	4.0	5.5	Nằm pháp	Nằm
154	7891	Nguyễn Ngọc	Quang	12XD1	12E4	6	6	7			5			7	5	6.0	6.0	Sau	
155	8829	Mai Mai	Quỳnh	23QTC2	12E4									v	v	v	0.0	Khăng	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NỔI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
156	112210324	Nguyễn Minh Trí	12XDD1	12E4	7	6	6			5			6	2	4.0	4.9	Bầu pháp Chên		
157	112210370	Lê Viết Đức	12XD2	12E4	7	7	7			6			7	1	4.0	5.2	Nằm pháp Hai		
158	112211815	Nguyễn Văn Hiếu	12XD2	12E4											0.0	0.0	Khăng	HP(HK1	
159	112220378	Nguyễn Đức Cường	12XC	12E4	6	6	7			5			6	4	5.0	5.4	Nằm pháp Bầu		
160	112220380	Đỗ Nhật Danh	12XDC	12E4	8	6	6			5			7	4	5.5	5.8	Nằm pháp Tâm		
161	112220381	Mai Khánh Duy	12XC1	12E4	6	6	6			5			7	4	5.5	5.6	Nằm pháp Sầu		
162	112220412	Trương Phúc Minh	12XC	12E4											0.0	0.0	Khăng		
163	112220420	Võ Sĩ Nguyễn	12XDC	12E4	8	7	7			7			4	5	4.5	5.7	Nằm pháp Báy		
164	112220428	Võ Hồng Phúc	12XDC	12E4	8	6	6			5			5	4	4.5	5.2	Nằm pháp Hai		
165	112220439	Lê Thanh Thủy	12XC1	12E4	7	6	6			5			4	4	4.0	4.9	Bầu pháp Chên	NO 300	
166	112221813	Đoàn Nguyễn Thanh Lâm	12XDC	12E4	6	5	6			5			5	6	5.5	5.5	Nằm pháp Nằm		
167	112221830	Phạm Anh Đức	12XDC	12E4	7	6	6			7			4	4	4.0	5.2	Nằm pháp Hai		
168	112221832	Nguyễn Tất Cảnh	12XDC	12E4	8	7	6			5			3	5	4.0	5.1	Nằm pháp Mất		
169	122210279	Tạ Hữu Lịch	12XD2	12E4	9	8	7			7			3	5	4.0	5.7	Nằm pháp Báy		
170	122210320	Lưu Văn Thuận	12XD1	12E4	7	8	7			7			3	3	3.0	4.9	Bầu pháp Chên		
171	122210322	Nguyễn Minh Thuyền	12XD1	12E4	7	7	7			7			3	5	4.0	5.4	Nằm pháp Bầu		
172	122210325	Phạm Ngọc Tiến	12XD1	12E4	8	8	7			7			7	6	6.5	6.9	Sầu pháp Chên		
173	122210327	Nguyễn Trọng Toàn	12XD1	12E4	9	9	7			6			7	6	6.5	7.0	Báy		
174	122210329	Nguyễn Sơn Trung	12XD1	12E4	9	9	7			6			6	6	6.0	6.7	Sầu pháp Báy		
175	122210331	Đặng Quang Trí	12XD1	12E4	8	8	7			5			V	V	V	0.0	Khăng		
176	122210332	Trần Tuấn	12XD2	12E4	8	8	7			6			5	6	5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
177	122210335	Nguyễn Văn Vinh	12XD1	12E4	8	7	7			7			4	4	4.0	5.5	Nằm pháp Nằm		
178	122210340	Võ Tấn Việt	12XD2	12E4	8	6	7			4			4	4	4.0	4.9	Bầu pháp Chên		
179	122210341	Nguyễn Vĩnh An	12XD1	12E4	10	9	7			6			3	5	4.0	5.7	Nằm pháp Báy		
180	122210343	Đinh Văn Trung	12XD1	12E4	10	8	7			6			3	5	4.0	5.6	Nằm pháp Sầu		
181	122220382	Nguyễn Đăng Bảo Đạt	12XC1	12E4	4	5	7			5			3	5	4.0	4.6	Bầu pháp Sầu		
182	122220386	Lưu Đức Công	12XC1	12E4	9	8	8			5			3	5	4.0	5.5	Nằm pháp Nằm		
183	122220387	Lê Văn Cường	12XC1	12E4	8	7	8			6			3	5	4.0	5.4	Nằm pháp Bầu		
184	122220389	Nguyễn Thị Kim Chi	12XC1	12E4	8	8	8			5			6	5	5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
185	122220391	Trần Đình Cừ	12XC1	12E4	8	9	8			7			7	6	6.5	7.1	Báy pháp Mất		
186	122220392	Nguyễn Hoàng Dũng	12XC1	12E4	8	8	8			7			4	5	4.5	5.9	Nằm pháp Chên		

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
						C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ
						10	10	10			15					55	100		
187	122220394	Đinh Ngọc	Giang	12XC1	12E4	9	8	8			6			4	5	4.5	5.9	Nằm pháy Chên	
188	122220397	Phạm Đình	Hùng	12XC1	12E4	6	7	8			6			3	3	3.0	4.7	Bấu pháy Bấy	
189	122220398	Lê Đoàn Minh	Hùng	12XC1	12E4	5	5	8			6			6	4.5	5.3	5.6	Nằm pháy Sầu	
190	122220399	Trần Mạnh	Hùng	12XC1	12E4	8	8	8			5			6	4.5	5.3	6.1	Sầu pháy Mầu	
191	122220401	Nguyễn Thanh	Hiệp	12XC1	12E4	9	9	8			6			6	5	5.5	6.5	Sầu pháy Nằm	
192	122220406	Đinh Duy	Khánh	12XC1	12E4											0.0	0.0	Khăng	
193	122220409	Lại Tấn	Lâm	12XC1	12E4	6	8	8			5			4	4	4.0	5.2	Nằm pháy Hai	
194	122220412	Nguyễn Hoàng	Phúc	12XC1	12E4	5	5	7			6			3	5	4.0	4.8	Bấu pháy Tằm	
195	122220416	Đặng Văn	Minh	12XC1	12E4	10	9	7			7			3	7	5.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
196	122220417	Trần Thanh	Nam	12XC1	12E4	10	9	7			8			4	6	5.0	6.6	Sầu pháy Sầu	
197	122220418	Phạm Hoàng	Nam	12XC1	12E4	5	5	7			5			2	4	3.0	4.1	Bấu pháy Mắt	
198	122220419	Nguyễn Xuân	Phú	12XC1	12E4	10	9	7			8			3	6	4.5	6.3	Sầu pháy Ba	
199	122220421	Trần Văn	Quyết	12XC1	12E4	9	8	7			7			4	6	5.0	6.2	Sầu pháy Hai	
200	122220422	Trần Xuân	Son	12XC1	12E4	9	8	7			7			6	5.5	5.8	6.6	Sầu pháy Sầu	
201	122220423	Bùi Văn	Sửu	12XC1	12E4	6	7	7			6			4	5	4.5	5.4	Nằm pháy Bấu	
202	122220424	Nguyễn Hữu	Tình	12XC1	12E4	10	9	7			7			4	6	5.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
203	122220425	Võ Quốc	Tâm	12XC1	12E4	9	8	7			7			4	6	5.0	6.2	Sầu pháy Hai	
204	122220427	Lê Hữu	Tài	12XC1	12E4	9	8	8			7			4	5.5	4.8	6.2	Sầu pháy Hai	
205	122220428	Dương Việt	Thái	12XC1	12E4											0.0	0.0	Khăng	
206	122220429	Lê Ngọc	Thông	12XC1	12E4	10	9	8			7			4	5.5	4.8	6.4	Sầu pháy Bấu	
207	122220431	Nguyễn Hữu	Thành	12XC1	12E4	9	8	8			7			3	5.5	4.3	5.9	Nằm pháy Chên	
208	122220434	Nguyễn Văn	Thắng	12XC1	12E4	9	8	8			7			4	5	4.5	6.0	Sầu	
209	122220435	Nguyễn Chí	Thắng	12XC1	12E4	10	9	8			7			4	5	4.5	6.2	Sầu pháy Hai	
210	122220438	Nguyễn Xuân	Tùng	12XC1	12E4											0.0	0.0	Khăng	
211	122220444	Nguyễn Lương	Tuấn	12XC1	12E4	9	9	8			7			4	6	5.0	6.4	Sầu pháy Bấu	
212	122220447	Nguyễn Ngọc	Tuyền	12XC1	12E4	8	8	7			6			5	6	5.5	6.2	Sầu pháy Hai	
213	122220448	Huỳnh Công	Luật	12XC1	12E4	10	9	8			7			3	5.5	4.3	6.1	Sầu pháy Mầu	
214	122220450	Trương Quang	Vũ	12XC1	12E4											0.0	0.0	Khăng	
215	122220451	Nguyễn Lê Ngọc	Vũ	12XC1	12E4											0.0	0.0	Khăng	
216	122220453	Lê Văn	Anh	12XC1	12E4	5	6	8			4			3	4.5	3.8	4.6	Bấu pháy Sầu	
217	122220455	Phạm Ngọc Hồng	Thái	12XC1	12E4	7	7	7			5			V	V	V	0.0	Khăng	

STT	MSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	LỚP AV	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		GHI CHÚ	
					C	T	K	V	H	G	CN	N	THI ĐV	THI NÓI	E	SỐ		CHỮ
					10	10	10			15					55	100		
218	122220456	Phạm Hải Long	12XC1	12E4	9	8	8			6			3	5.5	4.3	5.8	Nàm pháy Tầm	
219	K11.114.0274	Nguyễn Duy Nhân	12XD4	12E4	6	5	6			4			HP	HP	HP	0.0	Khăng	HP

2)

2)

L,2)

